

Số: 05 /2021/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 01 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng
công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu
Mộc Bài, Xa Mát, Chàng Riệc, Tân Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA X KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;
Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của
Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
Xét Tờ trình số 1901/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức thu, chế độ thu,
nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện
ra, vào cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát, Chàng Riệc, Tân Nam; Báo cáo thẩm tra của
Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát, Chàng Riệc, Tân Nam.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh, dịch vụ có phương tiện chở khách (các loại xe khách có chở khách) và phương tiện vận tải chở hàng hóa (các loại xe tải có chở hàng hóa) xuất, nhập khẩu ra, vào khu vực cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát, Chàng Riệc, Tân Nam (áp dụng cả phương tiện chở khách và phương tiện vận tải chở hàng hóa của Campuchia khi ra, vào khu vực cửa khẩu).

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát, Chàng Riệc, Tân Nam.

Điều 2. Mức thu, tỷ lệ phần trăm để lại cho đơn vị thu phí

1. Mức thu phí (*Phụ lục kèm theo*)
2. Tỷ lệ phần trăm để lại cho đơn vị thu phí
 - Cửa khẩu Mộc Bài: 3% trên tổng số phí thu được.
 - Cửa khẩu Xa Mát: 11% trên tổng số phí thu được.
 - Cửa khẩu Chàng Riệc: 9% trên tổng số phí thu được.
 - Cửa khẩu Tân Nam: 30% trên tổng số phí thu được.

Điều 3. Chế độ quản lý, sử dụng nguồn thu phí

1. Số phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng thu được tại Cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát, Chàng Riệc, Tân Nam sau khi để lại cho hoạt động thu phí theo quy định, số còn lại nộp ngân sách nhà nước và điều tiết 100% cho ngân sách tỉnh.

2. Số phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng thu được ưu tiên dùng để đầu tư duy tu, sửa chữa, đầu tư mới các công trình tại các cửa khẩu; đầu tư các công trình quan trọng khác của địa phương.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Tâm

Phụ lục
QUY ĐỊNH VỀ MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH KẾT CẤU
HẠ TẦNG ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN RA, VÀO CỬA KHẨU MỘC BÀI,
XA MÁT, CHÀNG RIỆC, TÂN NAM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết. 05/2021/NQ-HĐND ngày. 01 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)



STT	PHƯƠNG TIỆN CHỊU PHÍ	MỨC THU
A	Phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (các loại xe tải có chở hàng hóa)	
I	Đối với hàng hóa là hoa quả, nông sản	
1	Xe ô tô có tải trọng dưới 02 tấn, xe 03 bánh và các loại xe tương tự	80.000
2	Xe ô tô có tải trọng từ 02 đến dưới 04 tấn	160.000
3	Xe ô tô có tải trọng từ 04 đến dưới 10 tấn	240.000
4	Xe ô tô có tải trọng từ 10 đến dưới 18 tấn; Xe chở hàng bằng container 20fit	320.000
5	Xe ô tô có tải trọng từ 18 tấn trở lên; Xe chở hàng bằng container 40fit	400.000
II	Đối với hàng hóa khác (trừ các loại gỗ)	
1	Xe ô tô có tải trọng dưới 02 tấn, xe 03 bánh và các loại xe tương tự	100.000
2	Xe ô tô có tải trọng từ 02 đến dưới 04 tấn	200.000
3	Xe ô tô có tải trọng từ 04 đến dưới 10 tấn	300.000
4	Xe ô tô có tải trọng từ 10 đến dưới 18 tấn; Xe chở hàng bằng container 20fit	400.000
5	Xe ô tô có tải trọng từ 18 tấn trở lên; Xe chở hàng bằng container 40fit	500.000
III	Đối với phương tiện chở hàng hóa là gỗ	
1	Đối với phương tiện chở gỗ từ nhóm 1, 2, 3	Mức thu áp dụng bằng 02 lần đối với hàng hóa khác
2	Đối với phương tiện chở gỗ không thuộc gỗ nhóm 1, 2, 3 (gỗ có giá trị thấp, củi đốt,...)	Mức thu áp dụng bằng đối với hàng hóa khác
B	Phương tiện vận tải chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất tái nhập, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng	

STT	PHƯƠNG TIỆN CHỊU PHÍ	MỨC THU
I	Phương tiện vận tải chở hàng hóa là hoa quả, nông sản	
1	Xe ô tô có tải trọng dưới 04 tấn	800.000
2	Xe ô tô có tải trọng từ 04 đến dưới 10 tấn	1.200.000
3	Xe ô tô có tải trọng từ 10 đến dưới 18 tấn; Xe chở hàng bằng container 20fit	1.600.000
4	Xe ô tô có tải trọng từ 18 tấn trở lên; Xe chở hàng bằng container 40fit	2.000.000
II	Phương tiện vận tải chở hàng hóa khác (trừ các loại gỗ)	
1	Xe ô tô có tải trọng dưới 04 tấn	1.000.000
2	Xe ô tô có tải trọng từ 04 đến dưới 10 tấn	1.500.000
3	Xe ô tô có tải trọng từ 10 đến dưới 18 tấn; Xe chở hàng bằng container 20fit	2.000.000
4	Xe ô tô có tải trọng từ 18 tấn trở lên; Xe chở hàng bằng container 40fit	2.500.000
III	Đối với phương tiện chở hàng hóa là gỗ	
1	Đối với phương tiện chở gỗ từ nhóm 1, 2, 3	Mức thu áp dụng bằng 02 lần đối với hàng hóa khác
2	Đối với phương tiện chở gỗ không thuộc gỗ nhóm 1, 2, 3 (gỗ có giá trị thấp, củi đốt,...)	Mức thu áp dụng bằng mức đối với hàng hóa khác
C	Xe Khách (Bao gồm xe khách có chở khách, xe khách không chở khách nhưng có chở hàng hóa)	
1	Dưới 12 chỗ ngồi	40.000
2	Từ 12 đến 30 chỗ ngồi	60.000
3	Từ 31 chỗ ngồi trở lên	100.000